

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 35/2005/QĐ-BGTVT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2005***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam****BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

Căn cứ Điều 48, Điều 50 Luật Giao thông đường bộ ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 25 và Điều 27 của Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết

định này Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật về bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 1944/1999/QĐ-BGTVT ngày 07 tháng 8 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật các loại phương tiện cơ giới đường bộ nhập khẩu vào Việt Nam.

Điều 3. Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam phối hợp với Vụ Khoa học Công nghệ hướng dẫn, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 4. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Vận tải, Cục

trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải/Giao thông Công chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ

quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Đình Bình

09688384

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về Kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường
xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT ngày 21 tháng 7
năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Văn bản này quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với các loại xe cơ giới do các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nhập khẩu xe cơ giới vào Việt Nam.

2. Quy định này không áp dụng đối với:

- a) Mô tô, xe máy nhập khẩu;
- b) Xe cơ giới nhập khẩu sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xe cơ giới là các loại phương tiện

giao thông cơ giới hoạt động trên đường bộ được định nghĩa tại phiên bản mới nhất của Tiêu chuẩn TCVN 6211 và TCVN 7271.

2. Lô xe nhập khẩu là các xe cơ giới nhập khẩu được kê khai trong cùng 01 Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.

3. Xe cơ giới cùng kiểu loại là các xe cơ giới của cùng một chủ sở hữu công nghiệp, cùng nhãn hiệu, thiết kế, cùng các thông số kỹ thuật và có cùng xuất xứ.

Điều 3. Xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam phải tuân theo các quy định hiện hành về kiểu loại và tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xe cơ giới.

Điều 4. Cục Đăng kiểm Việt Nam (sau đây gọi là Cơ quan kiểm tra chất lượng) tổ chức và tiến hành việc kiểm tra nhà nước về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm tra) xe cơ giới nhập khẩu trong phạm vi cả nước.

*Chương II***QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU****Điều 5. Hồ sơ đăng ký kiểm tra**

1. Hồ sơ đăng ký kiểm tra đối với mỗi lô xe nhập khẩu được lập thành 01 bộ bao gồm các tài liệu sau:

a) Bản đăng ký kiểm tra có ghi rõ số khung, số động cơ và năm sản xuất của xe cơ giới.

b) Bản sao chứng từ nhập khẩu.

c) Tài liệu kỹ thuật là tài liệu giới thiệu tính năng kỹ thuật (bản sao) và/hoặc bản đăng ký thông số kỹ thuật xe cơ giới nhập khẩu (bản chính) của tổ chức, cá nhân nhập khẩu trong đó có thể hiện các nội dung cơ bản sau:

- Các thông số về kích thước;
- Các thông số về trọng lượng: trọng lượng bản thân; trọng tải; trọng lượng toàn bộ; trọng lượng phân bố trên các trục xe (chỉ áp dụng đối với các xe cơ giới có trọng lượng toàn bộ từ 15 tấn trở lên);
- Các thông số kỹ thuật cơ bản của động cơ;
- Số người cho phép chở kể cả người lái;
- Cỡ lốp xe;
- Giới thiệu về các hệ thống chính như: hệ thống truyền lực; hệ thống phanh; hệ

thống lái; hệ thống treo; hệ thống đèn chiếu sáng và tín hiệu; cơ cấu chuyên dùng lắp trên xe (nếu có).

Riêng đối với xe cơ giới chưa qua sử dụng thì ngoài tài liệu kỹ thuật nêu trên, tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung bản sao phiếu kiểm tra xuất xưởng do nhà sản xuất cấp cho từng xe cơ giới có ghi số khung, số động cơ (nếu có) hoặc bản chính giấy chứng nhận chất lượng (C/Q) của nhà sản xuất cấp cho loại xe cơ giới nhập khẩu.

2. Miễn tài liệu kỹ thuật nêu tại điểm c khoản 1 Điều 5, đối với các xe cơ giới nhập khẩu cùng kiểu loại với loại xe đã được kiểm tra và cấp giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây gọi là giấy chứng nhận).

Điều 6. Kiểm tra đối với xe cơ giới chưa qua sử dụng

1. Miễn kiểm tra

Miễn kiểm tra chất lượng đối với các xe cơ giới chưa qua sử dụng, được sản xuất trước thời điểm nhập khẩu không quá 3 năm, tuân theo các yêu cầu nêu tại Điều 3, có hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 5 và thỏa mãn một trong những điều kiện sau:

a) Xe cơ giới đã được kiểm tra theo Hiệp định hoặc thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau về tiêu chuẩn và sự phù hợp mà Việt Nam tham gia ký kết;

b) Xe cơ giới có giấy chứng nhận tuân

theo các quy định ECE, EEC, EC của Châu Âu về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp;

c) Xe cơ giới cùng kiểu loại với loại xe đã được Cơ quan kiểm tra chất lượng kiểm tra và cấp giấy chứng nhận.

2. Kiểm tra

Xe cơ giới chưa qua sử dụng, nhập khẩu không tuân theo các yêu cầu tại khoản 1 Điều 6 thì tiến hành kiểm tra như sau:

a) Kiểm tra 01 mẫu của mỗi kiểu loại xe đối với:

- Xe cơ giới nhập khẩu không có đủ tài liệu kỹ thuật nêu tại điểm c khoản 1 Điều 5 hoặc,

- Xe cơ giới nhập khẩu đã được kiểm tra tại nơi xuất khẩu theo yêu cầu riêng.

b) Kiểm tra từng chiếc đối với:

- Xe cơ giới chưa qua sử dụng được sản xuất trước thời điểm nhập khẩu trên 3 năm hoặc,

- Trường hợp Cơ quan kiểm tra chất lượng có cơ sở chứng minh sự sai khác về thông số kỹ thuật giữa tài liệu kỹ thuật với xe cơ giới nhập khẩu.

c) Nội dung kiểm tra: chỉ kiểm tra theo các hạng mục kiểm tra tổng quát, kiểm tra động cơ, kiểm tra hệ thống phanh, kiểm tra hệ thống treo, kiểm tra hệ thống lái, kiểm tra trang thiết bị điện,

đèn chiếu sáng tín hiệu theo quy định tại Điều 7.

Điều 7. Kiểm tra đối với xe cơ giới đã qua sử dụng

Xe cơ giới đã qua sử dụng, nhập khẩu, có hồ sơ hợp lệ được kiểm tra từng chiếc theo quy định sau đây:

1. Kiểm tra tổng quát

a) Số khung, số động cơ đúng với bản đăng ký kiểm tra;

b) Xe cơ giới phải ở trạng thái hoạt động bình thường, bảo đảm đầy đủ công dụng, chức năng, có hình dáng và kết cấu phù hợp với tài liệu kỹ thuật đã đăng ký tại Cơ quan kiểm tra chất lượng (trừ trường hợp ô tô tải không có thùng chở hàng);

c) Xe cơ giới phải có kích thước tuân theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

d) Xe cơ giới phải có trọng lượng và sự phân bố trọng lượng trên các trục xe tuân theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Đối với các xe chở hàng hóa có trọng lượng phân bố trên các trục xe lớn hơn quy định thì trọng tải cho phép chở của xe nhập khẩu được xác định theo kết quả tính toán tải trọng trục cho phép theo quy định;

Trường hợp xe cơ giới nhập khẩu có sự thay đổi một số thông số kỹ thuật so với xe cơ sở thì trọng lượng toàn bộ của xe cơ giới không được lớn hơn trọng lượng toàn bộ của xe cơ sở nêu trong tài liệu kỹ thuật.

2. Kiểm tra thân vỏ, buồng lái, thùng hàng

a) Không nứt vỡ, không biến dạng, không thủng rách;

b) Sơn thân vỏ (trừ thùng hàng), buồng lái không long lở, bong tróc từng mảng lớn;

c) Cửa lên xuống đóng, mở nhẹ nhàng, không tự mở khi xe chạy;

d) Kính chắn gió và kính cửa sổ là loại kính an toàn, đúng chủng loại của phương tiện đó, phù hợp với các quy định về an toàn cho người ngồi trong xe; không rạn nứt, xước thành vệt;

e) Gương chiếu hậu đủ số lượng, đúng chủng loại, được định vị chắc chắn;

f) Khung xe không cong vênh, nứt gãy, không mọt gỉ;

g) Ghế người lái và ghế hành khách có sơ đồ bố trí đúng với tài liệu kỹ thuật, lắp ghép chắc chắn và có kích thước tuân theo tiêu chuẩn hiện hành.

3. Kiểm tra động cơ

a) Đúng kiểu loại hoặc là loại có công suất tương đương. Công suất động cơ cho 1 tấn khối lượng toàn bộ của ô tô phải đạt từ 7,35 kW trở lên;

b) Không có hiện tượng rò rỉ nhiên liệu, dầu bôi trơn và nước làm mát;

c) Động cơ phải hoạt động được khi

khởi động bằng máy khởi động điện liên tiếp không quá 3 lần, mỗi lần không quá 5 giây;

d) Động cơ phải hoạt động ổn định ở chế độ vòng quay không tải; không có tiếng gõ lạ;

e) Áp suất dầu bôi trơn, nhiệt độ nước làm mát khi động cơ làm việc ổn định phải nằm trong giới hạn cho phép theo tài liệu kỹ thuật của loại động cơ đó;

f) Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải động cơ không vượt quá mức quy định hiện hành cho xe cơ giới;

g) Độ ồn không vượt quá mức quy định hiện hành cho xe cơ giới.

4. Kiểm tra hệ thống truyền lực và hệ thống chuyển động

a) Độ rơ góc tổng hợp của bánh xe cầu chủ động không vượt quá 15° ;

b) Không được có tiếng gõ lạ ở hộp số, hộp số phụ, cơ cấu truyền lực chính... khi vận hành;

c) Ly hợp điều khiển nhẹ nhàng, đóng hoàn toàn, cắt dứt khoát. Hành trình tự do, hành trình làm việc của bàn đạp ly hợp nằm trong giới hạn cho phép theo tài liệu kỹ thuật của loại phương tiện đó. Ly hợp thủy lực không có hiện tượng rò rỉ dầu;

d) Hộp số, hộp số phụ: Ra vào số dễ dàng, không kẹt số, không tự nhảy số và không rò rỉ dầu;

e) Trục các đăng không biến dạng, không có vết nứt;

f) Cầu chủ động hoạt động bình thường, không có vết nứt, không chảy dầu;

g) Cầu bị động không biến dạng, không có vết nứt;

h) Các moay ơ không rơ, không bó kẹt;

i) Lớp xe đúng tài liệu kỹ thuật, đủ số lượng, không phồng rộp, không nứt vỡ.

5. Kiểm tra hệ thống phanh

a) Có đầy đủ các bộ phận, các chi tiết theo tài liệu kỹ thuật của kiểu loại xe đó;

b) Các đường ống dẫn dầu, dẫn khí không nứt vỡ, không mòn, bẹp, không rò rỉ;

c) Đối với hệ thống phanh dầu: sau không quá 2 lần đạp phanh thì hệ thống phanh phải có tác dụng. Thời gian từ lúc đạp phanh có tác dụng đến khi hết tác dụng không nhỏ hơn 1,5 phút;

d) Đối với hệ thống phanh khí nén: sau 10 phút động cơ làm việc ở vòng quay không tải, áp suất trong bình khí nén phải đạt mức quy định theo tài liệu kỹ thuật của loại xe đó. Khi đạp hết hành trình phanh, áp suất trong bình khí nén không nhỏ hơn 5kG/cm². Sau khi tắt động cơ 30 phút, lượng giảm áp suất trong bình khí nén không lớn hơn 0,5 kG/cm².

6. Kiểm tra hệ thống lái

a) Có đầy đủ các cụm, các chi tiết theo tài liệu kỹ thuật của loại xe đó và hoạt động bình thường, ổn định;

b) Vô lăng lái đúng kiểu loại, không nứt vỡ, bố trí ở bên trái của xe (trừ loại xe đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép);

c) Trục lái đúng kiểu loại, lắp ghép đúng, không có độ rơ dọc trục và độ rơ hướng kính;

d) Cơ cấu lái đúng kiểu loại, không chảy dầu, lắp ghép đúng, đủ chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng;

e) Thanh và đòn dẫn động lái không biến dạng, không có vết nứt, đủ các chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng;

f) Các khớp cầu và khớp chuyển hướng lắp ghép đúng và chắc chắn, đủ chi tiết phòng lỏng, không rơ, không có tiếng kêu khi lắc vô lăng lái;

g) Ngõng quay lái không có độ rơ giữa bạc và trục, chốt định vị chắc chắn;

h) Độ rơ góc của vô lăng lái:

- Không lớn hơn 10° đối với ô tô con, ô tô khách đến 12 chỗ kể cả người lái, ô tô tải có trọng tải đến 1500 kG;

- Không lớn hơn 20° đối với ô tô khách trên 12 chỗ kể cả người lái;

- Không lớn hơn 25° đối với ô tô tải có trọng tải trên 1500 kG;

- Giới hạn độ rơ góc của các loại ô tô chuyên dùng tương ứng với giới hạn của ô tô cơ sở hoặc theo tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất.

7. Kiểm tra hệ thống treo

a) Các bộ phận đàn hồi: nhíp, lò so,

thanh xoắn,... phải đúng chủng loại, đủ số lượng, không nứt gãy, xô lệch. Không mòn thành gờ ở mặt tiếp giáp giữa các lá nhíp. Đảm bảo khoảng sáng gầm xe đúng với tài liệu kỹ thuật của loại xe đó;

b) Đối với bộ phận đàn hồi khí nén: không rò rỉ khí nén, đảm bảo cân bằng thân xe theo các hướng;

c) Các giảm chấn thủy lực hoạt động bình thường, không rò rỉ dầu.

8. Kiểm tra trang thiết bị điện, đèn chiếu sáng và tín hiệu

a) Có đầy đủ các trang thiết bị điện đúng với tài liệu kỹ thuật của loại xe đó và hoạt động bảo đảm chức năng;

b) Còi điện, đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu, gạt mưa đảm bảo tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định hiện hành đối với xe cơ giới đang lưu hành.

9. Kiểm tra cơ cấu chuyên dùng

Đối với xe cơ giới chuyên dùng thì cơ cấu chuyên dùng phải đầy đủ, đảm bảo các chức năng phù hợp với tài liệu kỹ thuật của loại xe đó.

Điều 8. Xử lý kết quả kiểm tra

1. Đối với các xe cơ giới tuân theo các yêu cầu nêu tại khoản 1 Điều 6 thì được cấp thông báo miễn kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu (sau đây gọi là thông báo miễn kiểm tra) theo mẫu nêu tại Phụ lục 1 kèm theo Quy định này.

2. Đối với xe cơ giới có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu thì Cơ quan kiểm tra chất lượng cấp giấy chứng nhận theo mẫu nêu tại Phụ lục 2 kèm theo Quy định này.

3. Đối với xe cơ giới qua kiểm tra không đạt yêu cầu thì Cơ quan kiểm tra chất lượng ra Thông báo không đạt chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu theo mẫu nêu tại Phụ lục 3 kèm theo Quy định này và gửi cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu biết để có biện pháp xử lý.

4. Giấy chứng nhận hoặc Thông báo miễn kiểm tra đối với xe cơ giới nhập khẩu được sử dụng để giải quyết các thủ tục kiểm định an toàn kỹ thuật lần đầu và để giải quyết các thủ tục khác có liên quan theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (ví dụ: đăng ký xe cơ giới, giải quyết thủ tục nhập khẩu).

Đối với những xe cơ giới đã được cấp giấy chứng nhận hoặc thông báo miễn kiểm tra nhưng bị hư hỏng không bảo đảm chất lượng trong quá trình xếp dỡ, vận chuyển, bảo quản thì giấy chứng nhận hoặc thông báo miễn kiểm tra đã cấp cho xe cơ giới đó sẽ không còn giá trị.

5. Xử lý đối với các trường hợp khác

a) Đối với trường hợp tài liệu kỹ thuật nêu tại điểm c khoản 1 Điều 5 chưa thể hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu thì thông số kỹ thuật cơ bản của xe được xác định trên cơ sở kiểm tra thực tế.

b) Đối với các xe cơ giới chuyên dùng có kích thước và/hoặc trọng lượng lớn hơn quy định hiện hành thì được kiểm tra để nhập khẩu nhưng trong giấy chứng nhận chất lượng có ghi rõ là khi tham gia giao thông phải được phép của cơ quan có thẩm quyền về quản lý đường bộ.

c) Đối với các xe cơ giới có sự thay đổi từ nước ngoài về một số thông số kỹ thuật và kết cấu so với xe cơ sở thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu phải xuất trình các tài liệu kỹ thuật đối với xe đã thay đổi. Sau khi kiểm tra, nếu xe cơ giới bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với xe cơ giới nhập khẩu thì cơ quan kiểm tra chất lượng cấp giấy chứng nhận cho chiếc xe đó và trong giấy chứng nhận có ghi rõ việc chiếc xe này đã được thay đổi từ nước ngoài.

d) Đối với các xe cơ giới có số khung và/hoặc số động cơ bị đục sửa thì cơ quan kiểm tra chất lượng chỉ tiến hành kiểm tra nếu sự đục sửa là do lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất và sự đục sửa này phải được nhà sản xuất xác nhận. Trường hợp có nghi vấn về số khung và/hoặc số động cơ của xe thì cơ quan kiểm tra chất lượng sẽ trưng cầu giám định tại cơ quan giám định chuyên ngành.

e) Đối với các xe cơ giới nhập khẩu bị hư hại trong quá trình vận chuyển từ cảng xếp hàng về Việt Nam thì được phép hoàn thiện trong một số trường hợp sau:

- Thân vỏ, buồng lái, thùng hàng có lớp sơn bị trầy xước hoặc ôxi hóa cục bộ nhưng không bị mọt, thủng;

- Kính chắn gió, kính cửa sổ bị nứt vỡ;

- Hệ thống đèn chiếu sáng, tín hiệu: Bị nứt, vỡ; Các rơ le điều khiển bị thiếu; Màu sắc của đèn không phù hợp với quy định hiện hành;

- Gương chiếu hậu bị nứt, vỡ;

- Gạt nước mưa bị hư hại hoặc hoạt động không bình thường;

- Ác quy không hoạt động.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm:

1. Chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của các hồ sơ tài liệu đã cung cấp cho Cơ quan kiểm tra chất lượng;

2. Xuất trình nguyên trạng xe cơ giới để Cơ quan kiểm tra chất lượng thực hiện việc kiểm tra;

3. Thực hiện quyết định xử lý của Bộ Giao thông vận tải nếu có vi phạm quy định về kiểm tra nhà nước về chất lượng xe cơ giới nhập khẩu.

Điều 10. Cơ quan kiểm tra chất lượng có trách nhiệm:

1. Thực hiện quy định này đồng thời có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nhập khẩu trong việc bảo đảm các yêu cầu về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới nhập khẩu;

2. Thống nhất phát hành, quản lý giấy chứng nhận và thông báo miễn kiểm tra;

3. Thực hiện việc kiểm tra, thử nghiệm xe cơ giới theo các nội dung cần thiết khác khi có nghi vấn về sự không phù hợp của các thông số kỹ thuật của xe;

4. Xây dựng, ban hành hướng dẫn và quy trình kiểm tra chất lượng, an toàn

kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam;

5. Thu các khoản thu liên quan tới việc kiểm tra, cấp giấy chứng nhận, thông báo miễn kiểm tra theo quy định hiện hành;

6. Lưu trữ hồ sơ kiểm tra xe cơ giới trong thời hạn 03 năm;

7. Tổng hợp kết quả kiểm tra chất lượng xe cơ giới nhập khẩu để báo cáo Bộ Giao thông vận tải vào tháng 01 và tháng 7 hàng năm./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Đình Bình

Phụ lục 1

Mẫu 1

(kèm theo Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

Số (N^o):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence · Freedom · Happiness

**THÔNG BÁO MIỄN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU**

*(Notice of exemption from inspection of quality, technical safety
and environmental protection for imported motor vehicle)*

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status): Chưa qua sử dụng

Tổ chức/cá nhân nhập khẩu (Importer):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu phương tiện (Mark):

Nước sản xuất (Production country):

Loại phương tiện (Vehicle's type):

Số khung (Chassis N^o):Số tờ khai hàng nhập khẩu (Customs declaration N^o):Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection):

Số loại (Model):

Năm sản xuất (Production year):

Mã hàng hóa (Code):

Số động cơ (Engine N^o):

**THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Technical specification)**

Trọng lượng bản thân (Curb weight):

Trọng tải thiết kế (Payload):

Trọng lượng toàn bộ (Gross weight):

Trọng lượng kéo theo cho phép (Towed weight):

Số người cho phép chở, kể cả người lái (Seating capacity including driver):

Kích thước bao - Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions L x W x H):

Chiều dài cơ sở (Wheelbase):

Vết bánh xe trước (Front track):

mm - Vết bánh xe sau (Rear track):

Kiểu động cơ (Engine model):

Loại nhiên liệu (Fuel kind):

Thể tích làm việc (Displacement):

Công suất lớn nhất của động cơ/số vòng quay (Max. output /rpm):

kW(HP)/vòng/phút

Công thức bánh xe (Wheel formula):

Lốp xe (Tyres) Trục 1 (Axle N^o1):Trục 2 (Axle N^o2):Trục 3 (Axle N^o3):Trục 4 (Axle N^o4):

Cơ cấu chuyên dùng khác (Special purpose equipment):

Xe cơ giới được miễn kiểm tra theo "Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam" ban hành kèm theo Quyết định số /2005/QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The motor vehicle is exempted from inspection in compliance with "The Regulation in the inspection of quality, technical safety and environmental protection for motor vehicles imported to Vietnam" annexed to The Decision N^o /2005/QĐ-BGTVT stipulated by Minister of Ministry of Transport.

Thông báo này có giá trị đến ngày tháng năm

This notice is valid until

(Date)

, ngày tháng năm

Cơ quan kiểm tra

(Inspection body)

Lưu ý: Thông báo này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp vvv...

Note: This notice will be expired if quality of the motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

kg
kg
kg
kg
người
mm
mm
mm

www.thuvienhieploc.com
Tel: 04-6-3645 004
LAWSON

Phụ lục 2

Mẫu 2

(kèm theo Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số (N^o):

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU**
(Certificate of conformity from inspection of quality, technical safety and environmental protection for imported motor vehicle)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status):

Tổ chức/cá nhân nhập khẩu (Importer):

Địa chỉ (Address):

Nhãn hiệu phương tiện (Mark):

Nước sản xuất (Production country):

Loại phương tiện (Vehicle's type):

Số khung (Chassis N^o):

Số tờ khai hàng nhập khẩu (Customs declaration N^o):

Địa điểm kiểm tra (Inspection site):

Thời gian kiểm tra (Inspection date):

Số biên bản kiểm tra (Inspection record N^o):

Số đăng ký kiểm tra (Registered N^o for inspection):

Số loại (Model):

Năm sản xuất (Production year):

Mã hàng hóa (Code):

Số động cơ (Engine N^o):

THÔNG SỐ KỸ THUẬT
(Technical specification)

Trọng lượng bản thân (Curb weight):

Trọng tải thiết kế (Payload):

Trọng lượng toàn bộ (Gross weight):

Trọng lượng kéo theo cho phép (Towed weight):

Số người cho phép chở, kể cả người lái (Seating capacity including driver):

Kích thước bao - Dài x Rộng x Cao (Overall dimensions L x W x H):

Chiều dài cơ sở (Wheelbase):

Vết bánh xe trước (Front track):

mm - Vết bánh xe sau (Rear track):

Kiểu động cơ (Engine model):

Loại nhiên liệu (Fuel kind):

Thể tích làm việc (Displacement):

Công suất lớn nhất của động cơ/số vòng quay (Max. output / rpm):

Công thức bánh xe (Wheel formula):

Lốp xe (Tyres) Trục 1 (Axle N^o1):

Trục 3 (Axle N^o3):

Trục 2 (Axle N^o2):

Trục 4 (Axle N^o4):

Cơ cấu chuyên dùng khác (Special purpose equipment):

Xe cơ giới đã được kiểm tra và đạt yêu cầu theo "Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam" ban hành kèm theo Quyết định số /2005/QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The motor vehicle has been inspected and satisfied with requirements of "The Regulation in the inspection of quality, technical safety and environmental protection for motor vehicles imported to Vietnam" annexed to The Decision N^o /2005/QĐ-BGTVT stipulated by Minister of Ministry of Transport.

Giấy chứng nhận này có giá trị đến ngày

tháng năm

This certificate is valid until

(Date)

, ngày tháng năm

Cơ quan kiểm tra

(Inspection body)

Lưu ý: Giấy chứng nhận này sẽ không còn giá trị nếu chất lượng của phương tiện đã kiểm tra bị ảnh hưởng do vận chuyển, bảo quản, bốc xếp vvv...

Note: This certificate will be expired if quality of the inspected motor vehicle is influenced by carrying, landing, storing, etc...

Phụ lục 3

Mẫu 3

(kèm theo Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
MINISTRY OF TRANSPORT
VIETNAM REGISTER
Số (N^o):

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

**THÔNG BÁO KHÔNG ĐẠT CHẤT LƯỢNG, AN TOÀN KỸ THUẬT
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG XE CƠ GIỚI NHẬP KHẨU**
(*Notice of non-conformity from inspection of quality, technical safety and environmental protection for imported motor vehicle*)

Tình trạng phương tiện (Vehicle's status):

Tổ chức/cá nhân nhập khẩu (*Importer*):

Địa chỉ (*Address*):

Nhãn hiệu phương tiện (*Mark*):

Số loại (*Model*):

Nước sản xuất (*Production country*):

Năm sản xuất (*Production year*):

Loại phương tiện (*Vehicle's type*):

Số khung (*Chassis N^o*):

Số động cơ (*Engine N^o*):

Số tờ khai hàng nhập khẩu (*Customs declaration N^o*):

Địa điểm kiểm tra (*Inspection site*):

Thời gian kiểm tra (*Inspection date*):

Số biên bản kiểm tra (*Inspection record N^o*):

Số đăng ký kiểm tra (*Registered N^o for inspection*):

Xe cơ giới đã được kiểm tra và không đạt yêu cầu theo "Quy định về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các loại xe cơ giới nhập khẩu vào Việt Nam" ban hành kèm theo Quyết định số /2005/QĐ-BGTVT ngày tháng năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

The motor vehicle has been inspected and not satisfied with requirements of "The Regulation in the inspection of quality, technical safety and environmental protection for motor vehicles imported to Vietnam" annexed to The Decision N^o /2005/QĐ-BGTVT stipulated by Minister of Ministry of Transport.

Lý do không đạt (Reasons of non-conformity):

(Date) , ngày tháng năm

Cơ quan kiểm tra
(*Inspection body*)

Nơi nhận: